TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-DS ngày 14/9/2021 giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn Thanh L, xã HL, Hiệp Hòa, Bắc Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn Thanh L, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn Thanh L, xã HL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Ng trình bày: Giữa anh với anh Đặng Văn Đ có quan hệ họ hàng (họ hàng bên nhà vợ). Ngày 26/01/2016, anh Đ có vay của anh số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2018, anh Đặng Văn Đ vay tiếp của anh số tiền 20.000.000 đồng. Các bên thống nhất viết thành một giấy vay tiền vào ngày 21/3/2018 với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Mục đích anh Đ vay tiền là để làm ăn kinh doanh. Các bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng không ghi mức lãi suất vào trong giấy vay tiền, các bên thỏa thuận hàng tháng anh Đ phải trả tiền lãi là 2.000.000 đồng/50.000.000 đồng tiền gốc (Tương đương 4%/tháng). Anh Đ trực tiếp viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 21/7/2018 thì trả hết cả gốc và lãi cho anh. Đến hạn trả nợ nhưng anh Đ không trả nợ cho anh. Sau đó thì anh Đ có chuyển

khoản trả tiền lãi cho anh được 08 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng được 16.000.000 đồng và một lần trả được 10.000.000 đồng tiền mặt vào khoảng tháng 5/2020. Như vậy, tổng số tiền lãi mà anh Đ trả cho anh là 26.000.000 đồng. Anh Đ trình bày đã trả cho anh cả tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 70.000.000 đồng là không đúng. Anh Đ trình bày đã đưa cho chị Th là vợ của anh số tiền 2.000.000 đồng, chị Th cũng thừa nhận đã nhận số tiền này của anh Đ. Nay anh đồng ý trừ số tiền này vào số tiền lãi mà anh Đ phải trả cho anh. Tổng cộng anh Đ đã trả cho anh số tiền lãi 28.000.000 đồng. Anh đề nghị tính tiền lãi lại theo mức lãi suất 1,2%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay 21/3/2018 đến ngày 21/9/2021 (42 tháng), số tiền lãi được tính là 25.200.000 đồng. Còn lại2.800.000 đồng thì anh đề nghị trừ vào số tiền gốc 50.000.000 đồng, như vậy số tiền gốc anh Đ còn nợ là 47.200.000 đồng. Nay anh chỉ yêu cầu cá nhân anh Đ trả anh số tiền gốc 44.000.000 đồng. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác. Anh xác định vợ của anh Đ không liên quan gì đến khoản nợ này. Anh rút yêu cầu trả số tiền lãi như đơn khởi kiện ban đầu là 11.400.000 đồng.

* Bị đơn là anh Đặng Văn Đ tình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Giữa anh với anh Nguyễn Văn Ng có quan hệ họ hàng xa. Khoảng năm 2017, anh có vay của Anh Ng số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2018, anh vay tiếp của Anh Ng số tiền 30.000.000 đồng, các bên thỏa thuận thống nhất ghi thành một giấy vay tiền với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Anh là người trực tiếp viết và ký giấy vay tiền. Hẹn đến ngày 21/7/2018 thì trả cả tiền gốc và tiền lãi. Mục đích anh vay tiền là để làm ăn kinh doanh. Lãi suất các bên thỏa thuận bên ngoài giấy vay tiền là 1,5%/tháng. Đến khoảng tháng 4/2021 thì anh trả hết cả tiền gốc và tiền lãi cho Anh Ng với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, trong đó chuyển khoản 16.000.000 đồng (08 lần chuyển khoản, mỗi lần 2.000.000 đồng), còn lại 54.000.000 đồng là anh trả tiền mặt cho Anh Ng (trong đó anh trực tiếp đưa cho chị Th là vợ Anh Ng số tiền 2.000.000 đồng, số tiền mặt còn lại trả trực tiếp cho Anh Ng), các lần trả tiền mặt cho Anh Ng do tin tưởng nên không viết giấy tờ gì, anh không có chứng cứ gì chứng minh đã trả số tiền mặt 54.000.000 đồng cho Anh Ng và chị Th.

Anh Ng đề nghị tính lại tiền lãi mà anh đã trả cho Anh Ng theo mức lãi suất 1,2%/tháng thì anh đồng ý. Nay Anh Ng yêu cầu anh trả số tiền gốc 44.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh xác định đã trả hết cho Anh Ng số tiền gốc và lãi. Anh xác định đây là nợ của cá nhân anh, không phải là nợ chung của vợ chồng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn Ng. Chị xác định khoản tiền này là của cá nhân Anh Ng, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng nên chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Đặng Văn Đ phải trả cho anh Nguyễn Văn Ng số tiền 44.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ng về việc yêu cầu anh Đặng Văn Đ trả số tiền lãi 11.400.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả Anh Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Th đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Th.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Ng yêu cầu anh Đặng Văn Đ trả số tiền vay 44.000.000 đồng. Khi vay tiền, các bên có giao kết bằng văn bản nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật dân sự. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ng yêu cầu anh Đặng Văn Đ trả số tiền gốc 44.000.000 đồngthì thấy:Theo lời trình bày của Anh Ng và anh Đ thì xác định được anh Đ có vay của Anh Ng số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 21/3/2018, việc vay tiền có lập thành văn bản. Khoản vay có thỏa thuận tiền lãi nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Anh Ng thừa nhận đã nhận của anh Đ tổng số tiền lãi 28.000.000 đồng (trong đó nhận chuyển khoản 16.000.000 đồng, Anh Ng trực tiếp nhận tiền mặt là 10.000.000 đồng, chị Th là vợ Anh Ng nhận 2.000.000 đồng) theo mức lãi suất 4%/tháng, nay anh đề nghị tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 1,2%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay 21/3/2018 đến ngày 21/9/2021 (42 tháng), số tiền lãi được tính là 25.200.000 đồng. Còn lại2.800.000 đồng thì anh đề nghị trừ vào số tiền gốc 50.000.000 đồng.Như vậy, Anh Ng đề

nghị tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 1,2%/tháng là phù hợp với quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền gốc anh Đ còn nợ Anh Ng là 50.000.000 đồng - 2.800.000 đồng = 47.200.000 đồng. Nay Anh Ng chỉ yêu cầu cá nhân anh Đ trả anh số tiền gốc 44.000.000 đồng. Về phía anh Đ không đồng ý với yêu cầu của Anh Ng vì xác định đã trả hết nợ cho Anh Ng cả tiền gốc và tiền lãi là 70.000.000 đồng, trong đó chuyển khoản là 16.000.000 đồng, trả tiền mặt cho vợ của Anh Ng là 2.000.000 đồng, còn lại là trả tiền mặt cho Anh Ng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì anh Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả tiền số tiền mặt 54.000.000 đồng cho Anh Ng. Tuy nhiên Anh Ng đã thừa nhận anh Đ đã trả cho anh tổng số tiền mặt 12.000.000 đồng. Do vậy có đủ căn cứ xác định anh Đ đã trả cho Anh Ng tổng số tiền 28.000.000 đồng (trong đó nhận chuyển khoản 16.000.000 đồng, Anh Ng trực tiếp nhận tiền mặt là 10.000.000 đồng, chị Th là vợ Anh Ng nhận 2.000.000 đồng). Còn lại số tiền mặt 42.000.000 đồng anh Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Anh Ng yêu cầu anh Đ trả số tiền gốc 44.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Anh Nguyễn Văn Ng rút yêu cầu trả số tiền lãi 11.400.000 đồng, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí:

- Anh Đặng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Anh Ng được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả anh Nguyễn Văn Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Ch thì cả anh Nguyễn Văn Ng và anh Đặng Văn Đ đều xác định đây là khoản nợ của cá nhân anh Đ, không liên quan gì đến chị Chanh. Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ch. Do vậy, Tòa án không tiến hành tố tụng với chị Ch với tư cách là đương sự trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Đặng Văn Đ phải trả cho anh Nguyễn Văn Ng số tiền 44.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ng về việc yêu cầu anh Đặng Văn Đ trả số tiền lãi 11.400.000 đồng.

3. Về án phí:

- Anh Đặng Văn Đ phải chịu 2.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả anh Nguyễn Văn Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.535.000 đồng theo biên lai số 0007524 ngày 23/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuyền